(Mẫu số 01/QĐ-CKNS ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính)

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ **CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 237/QĐ-CTHADS	*Hậu Giang, ngày 29 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 1230/QĐ-TCTHADS ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tổng cục Thi hành án dân sự về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 (kinh phí giao tự chủ tài chính) và Quyết định số 1231/QĐ-TCTHADS ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tổng cục Thi hành án dân sự về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 (kinh phí giao không tự chủ tài chính) và Công văn số 4988/TCTHADS-KHTC ngày 29 tháng 12 năm 2023 về việc thông báo chi tiết một số nội dung giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 234/QĐ-CTHADS ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 (kinh phí giao tự chủ tài chính) và Quyết định số 235/QĐ-CTHADS ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 (kinh phí giao không tự chủ tài chính) cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc.

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Vụ KHTC (để b/c);
- Phó Cục trưởng (để biết);
- Lưu: VT, KTNS, đăng tải Trang Thông tin điện tử của Cục.

CỤC TRƯỞNG

Lê Phước Toàn

Biểu số 1 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH HẬU GIANG
Chương: 014

DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 237/QĐ-CTHADS ngày 29/12/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang)

(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp I/đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

ĐV tính: 1.000 đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó								
				VP Cục	TP Vị Thanh	H Châu Thành	H Châu Thành A	H Phụng Hiệp	H Vị Thủy	H Long Mỹ	TP. Ngã Bảy	TX Long Mỹ
1	2	3	4= 5+6+…13	5	6	7	8	9	10	11	12	13
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**											
I	**Số thu phí, lệ phí**	**2.839.000**	**2.839.000**	**300.000**	**409.000**	**491.000**	**232.000**	**403.000**	**320.000**	**184.000**	**235.000**	**265.000**
	Phí thi hành án	2.839.000	2.839.000	300.000	409.000	491.000	232.000	403.000	320.000	184.000	235.000	265.000
II	**Chi từ nguồn phí được để lại**	**2.129.250**	**2.129.250**	**225.000**	**306.750**	**368.250**	**174.000**	**302.250**	**240.000**	**138.000**	**176.250**	**198.750**
1	***Chi quản lý hành chính***	***2.129.250***	***2.129.250***	***225.000***	***306.750***	***368.250***	***174.000***	***302.250***	***240.000***	***138.000***	***176.250***	***198.750***
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ, trong đó:	2.129.250	2.129.250	225.000	306.750	368.250	174.000	302.250	240.000	138.000	176.250	198.750
	20% nộp về Tổng cục	567.800	567.800	60.000	81.800	98.200	46.400	80.600	64.000	36.800	47.000	53.000
	55% được sử dụng	1.519.550	1.519.550	160.600	218.950	262.750	124.200	215.650	171.300	98.500	125.750	141.850
	Tiết kiệm để CCTL	41.900	41.900	4.400	6.000	7.300	3.400	6.000	4.700	2.700	3.500	3.900
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước (25%)**	**709.750**	**709.750**	**75.000**	**102.250**	**122.750**	**58.000**	**100.750**	**80.000**	**46.000**	**58.750**	**66.250**
	Phí thi hành án	709.750	709.750	75.000	102.250	122.750	58.000	100.750	80.000	46.000	58.750	66.250
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**21.455.859**	**21.455.859**	**5.753.615**	**2.216.026**	**2.086.644**	**2.050.656**	**2.053.116**	**2.050.645**	**1.831.088**	**1.532.295**	**1.881.774**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**21.455.859**	**21.455.859**	**5.753.615**	**2.216.026**	**2.086.644**	**2.050.656**	**2.053.116**	**2.050.645**	**1.831.088**	**1.532.295**	**1.881.774**
1	**Chi quản lý hành chính**	**21.455.859**	**21.455.859**	**5.753.615**	**2.216.026**	**2.086.644**	**2.050.656**	**2.053.116**	**2.050.645**	**1.831.088**	**1.532.295**	**1.881.774**
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	19.853.549	19.853.549	5.193.605	2.022.526	1.996.644	1.980.656	1.943.316	1.832.645	1.683.088	1.452.295	1.748.774
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.602.310	1.602.310	560.010	193.500	90.000	70.000	109.800	218.000	148.000	80.000	133.000
2	**Chi sự nghiệp đào tạo**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Ghi chú:

Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ, trong đó có Quỹ thi đua khen thưởng tập trung tại Văn phòng Cục 96.194.000 đồng

Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ, trong đó có kinh phí may trang phục, lễ phục, phù hiệu cấp hiệu tập trung tại Văn phòng Cục 392.510.000 đồng